| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 205/2024/DS-PT

Ngày 25 - 6 - 2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Lê Thị Thanh Huyền.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2024/DS - PT ngày 14/5/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2024/QĐ-PT ngày 16/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Bị đơn**: Ông Phan Công T và bà Nguyễn Thị V; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phan Công T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 01/9/2022, bà Trần Thị N có cho vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V vay số tiền 1.600.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng tính từ ngày nhận tiền. Vợ chồng ông T, bà V hẹn bà N 02 tháng kể từ ngày vay sẽ thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo như thoả thuận trong giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ, bà N đến nhà ông T, bà V yêu cầu ông T, bà V trả nợ nhiều lần nhưng ông T, bà V vẫn chây ì không chịu trả cho bà N. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên bà N khởi kiện vợ chồng ông T, bà V số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và lãi suất 480.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.080.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là vào ngày 04/01/2023, vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có vay của bà N số tiền gốc 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất theo thoả thuận là 3%/tháng. Hẹn 10 ngày sau ông T, bà V sẽ trả đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo thoả thuận. Tuy nhiên đến nay ông T, bà V vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền nợ cho bà N.

Nay, bà Trần Thị N yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền nợ lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày xét xử là 20%/năm trên số nợ gốc 1.300.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin thay đổi ý kiến nội dung thoả thuận tại biên bản hoà giải thành bị đơn ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V trình bày*:

Vợ chồng ông T, bà V thừa nhận là có vay của bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, hai bên có lập giấy xác nhận nợ vào ngày 04/01/2023, lãi suất 3%/tháng. Thời hạn trả nợ là 10 ngày trả đủ, theo như giấy mượn tiền mà vợ chồng ông bà đã cung cấp cho Toà án. Bà Trần Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng ông T, bà V trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 04/01/2023 đến tạm tính đến ngày hoà giải (ngày 26/10/2023) là 1.300.000.000 đồng x 20%/năm x 9 tháng 22 ngày = 211.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.511.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười một triệu đồng) thì vợ chồng ông T, bà N thống nhất với số nợ gốc, còn về nợ lãi đề nghị bà N xem xét giảm một phần nợ lãi và vợ chồng ông T, bà V xin được trả dần cho bà N.

*Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thống nhất được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Tuy nhiên, trong thời gian 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có đơn xin thay đổi nội dung thoả thuận không thống nhất với biên bản Hoà giải*

*thành đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật vì lãi suất quá cao và xin được trả dần.*

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân huyện Krông Buk, tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N. Buộc vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N tổng số nợ là **1.617.777.000** đồng (Một tỷ sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là **1.300.000.000** đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là **7.222.000** đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là **310.555.000** đồng (Ba trăm mười triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2024 bị đơn ông Phan Công T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk theo hướng công nhận thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về phần lãi suất là 20%/năm, tương ứng với 1,67%/tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn ông Phan Công T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Công T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Công T làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của ông Phan Công T với nội dung vợ chồng ông T, bà V chỉ đồng ý trả lãi suất trên tổng số nợ gốc 1.300.000.000 đồng theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là 20%/năm tương đương với 1,67%/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Bản án số: 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân huyện Krông Buk có nội dung:

*"[3]. Về khoản nợ lãi: Hai bên có thỏa thuận về lãi suất, có thời hạn trả nợ trong hợp đồng vay nên xác định Hợp đồng vay tài sản có lãi, có kỳ hạn. Lãi suất hai bên thoả thuận là 3%/tháng, chưa phù hợp với quy định, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn là 20%/năm là thấp hơn theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận. Cụ thể tính như sau:*

*- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả đối với khoản nợ gốc là 1.300.000.000 đồng x 20%/năm x 10 ngày = 7.222.000 đồng.*

*- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả đối với nợ gốc là 1.300.000.000 đồng x 20%/năm x 14 tháng 10 ngày (đến ngày 14/3/2024) = 310.555.000 đồng (lấy tròn).*

*Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.300.000.000 đồng + 310.555.000 đồng + 7.222.000 đồng = 1.617.777.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).*

*Như vậy, cần buộc vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N tổng số nợ là 1.617.777.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 7.222.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 310.555.000 đồng (Ba trăm mười triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*".

Như vậy, bản án sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn trên tổng dư nợ gốc 1.300.000.000 đồng là 20%/năm theo thỏa thuận của các đương sự nên kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét quan điểm của ông T về nội dung không đồng ý trả lãi trong hạn và lãi quá hạn cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2024) là 20%/năm trên số nợ gốc 1.300.000.000 đồng. Cùng với đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/9/2022, mặc dù giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản phô tô. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền gốc 1.300.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu đồng) nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét thấy tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận các bên có thỏa thuận về lãi suất khi vay. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị đơn phải trả lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn trên tổng nợ gốc 1.300.000.000đ (lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn đều tính bằng 20%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Công T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Phan Công T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Công T - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N. Buộc vợ chồng ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N tổng số nợ là **1.617.777.000** đồng (Một tỷ sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là **1.300.000.000** đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là **7.222.000** đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là **310.555.000** đồng (Ba trăm mười triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi*

*suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Công T, bà Nguyễn Thị V phải chịu 60.533.000 đồng (*Sáu mươi triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 36.800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000447, ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004285 ngày 27/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận***:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Buk;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hằng**